

**GIẢI CẤU TRÚC VÀ SỰ LƯU TRUYỀN CỦA TIỂU THUYẾT *KIM VÂN KIỀU*
TRUYỆN Ở VIỆT NAM: PHÂN TÍCH VIỆC DỊCH MANG TÍNH SÁNG TẠO CỦA
NGUYỄN DU TRONG *TRUYỆN KIỀU***

Nhận bài:

01 – 03 – 2018

Chấp nhận đăng:

28 – 06 – 2018

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Yang Jian

Tóm tắt: Bài viết tập trung vào vấn đề phiên dịch, dịch chuyển tác phẩm *Kim Vân Kiều Truyện* (thể tiểu thuyết chương hồi) - Thanh Tâm Tài Nhân, Trung Quốc qua *Truyện Kiều* (thể thơ lục bát) của Nguyễn Du, Việt Nam. Vấn đề này được nhìn nhận từ lí thuyết giải cấu trúc, trên cơ sở so sánh các yếu tố ngôn ngữ. Nghĩa là phân tích sự giải cấu, sáng tạo và sắp đặt, làm mới của Nguyễn Du đối với tiểu thuyết *Kim Vân Kiều Truyện* thời Minh Thanh hiện diện trong *Truyện Kiều*. Nếu nhìn qua con mắt của giải cấu trúc, có thể coi đây là hành trình của “văn bản tự giải cấu trúc chính mình”. Theo đó người dịch cũng là chủ thể của sáng tạo, bản dịch chính là sự sáng tạo của ngôn ngữ mới. Phương pháp suy luận này cho chúng ta một cách nhìn mới về vấn đề từ trước đến nay chúng ta luôn lấy nguyên bản làm trung tâm, việc dịch thuật thì cứ theo nguyên văn mà làm. Qua đó, làm nổi bật tính chủ thể và tính sáng tạo của Nguyễn Du. Đồng thời, thông qua vấn đề này có thể thấy sự ảnh hưởng sâu sắc của tiểu thuyết Minh Thanh đối với văn học cổ điển Việt Nam với văn học cổ điển Việt Nam. Đây cũng chính là minh chứng cho những giao lưu và ảnh hưởng sâu đậm của hai nền văn hóa - văn học Trung Hoa và Việt Nam thời trung đại.

Từ khóa: Lí thuyết giải cấu trúc; tiểu thuyết thời Minh Thanh; “Kim Vân Kiều Truyện”; Nguyễn Du; dịch mang tính sáng tạo.

1. Dẫn nhập

Truyền bá tác phẩm văn học ra nước ngoài có chức năng quan trọng trong việc thúc đẩy sự giao tiếp qua lại giữa hai nền văn hóa, hai quốc gia. Đồng thời do sự khác biệt về ngôn ngữ nên khó có thể dịch trọn vẹn từng câu chữ, nên truyền bá văn hóa hải ngoại phải dựa vào sự lí giải và tính sáng tạo của người dịch. Chủ nghĩa giải cấu trúc (deconstruction) hay còn gọi là chủ nghĩa hậu cấu trúc luận (post-structuralism) nhấn mạnh việc phá vỡ và cấu tạo lại. Lí thuyết này đã đem đến cách nhìn mới, các khả năng mới về con đường truyền bá, ảnh hưởng văn hóa, văn học giữa các dân tộc, trên các khía cạnh như: đánh giá giá trị văn học của “nguyên văn” và “dịch văn” một cách khách quan; đánh giá hiện tượng

“vừa dịch vừa làm mới” và “giữ lại cái khác biệt”...

2. Sự lưu truyền *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm tài nhân tại Việt Nam

Thời Minh-Thanh, sự phát triển của tiểu thuyết bạch thoại đã phá vỡ vị trí độc tôn của thơ văn truyền thống, làm cho nền văn học truyền thống thông tục hóa hơn và được độc giả đón nhận. *Kim Vân Kiều Truyện* của Thanh Tâm tài nhân ra ấn phẩm đầu vào khoảng cuối đời Minh đầu nhà Thanh, từ bản in “Giải Ý Đường” (解颐堂) và “Đàn Tích Hiên” (谈惜轩) thời kì đầu vua Minh Tứ Tông (Sùng Trinh) đến vua Đạo Quang, đến nay được lưu truyền hơn 200 năm. Tại Trung Quốc đang lưu trữ 30 loại ấn phẩm khác nhau [2, tr.16-17]. Tại một số nước như Nhật Bản, Việt Nam, Mỹ... cũng lưu giữ một số ấn phẩm. “Kim Vân Kiều Truyện” là tác phẩm điển hình của thể loại tiểu thuyết Tài Tử Giai Nhân thể chương hồi, nhưng lại có sự khác biệt với loại hình câu chuyện tài tử giai nhân truyền thống, xoay quanh nhân vật

* Tác giả liên hệ

Yang Jian

Trường Đại học Sư phạm Văn Nam, Trung Quốc

Email: kien1005@163.com

Vương Thúy Kiều, thể thái nhân tình, sự bất lực vô vọng trong cuộc sống, sự đè nén bởi thế lực gia tộc phong kiến,... “Tứ khổ đại từ điển” khi nhận xét về giá trị nghệ thuật của “Kim Vân Kiều Truyện” đã chỉ ra: “giá trị nghệ thuật lớn nhất của cuốn sách này là hình tượng Thúy Kiều được khắc họa rất tươi mới, tình tiết li kì biến hóa. Nhưng ngôn ngữ lại có phần thiếu sinh động, tình tiết đan xen lời tiên đoán về số mệnh, điều này là chỗ còn thiếu sót. Nói tóm lại, cuốn sách này có một vị trí nhất định trong lĩnh vực tiểu thuyết thời kì Minh - Thanh nhưng không thuộc tác phẩm hạng hai hạng ba” [3, tr. 2208]. Không rõ do thời kì này xuất hiện quá nhiều tác phẩm xuất sắc hay do cuốn tiểu thuyết còn nhiều hạn chế, khiếm khuyết, mặc dù được in ấn xuất bản nhiều lần nhưng “Kim Vân Kiều Truyện” như ngọc dưới cát, không gây được sự chú ý cho người đọc, ngay cả nhà nghiên cứu khởi xướng lịch sử tiểu thuyết Trung Quốc, ông Lỗ Tấn, cũng chưa từng nhắc đến tác phẩm này. Đến năm 1931, ông Tôn Khải Đệ trong cuốn “Đại cương tiểu thuyết thông tục Trung Quốc: thể loại tài tử giai nhân” lần đầu tiên mới nhắc đến “Kim Vân Kiều Truyện”.

Năm 1813, thi hào Nguyễn Du đi sứ Trung Quốc, với sự uyên thâm về Hán ngữ và văn học cổ điển Trung Quốc, ông tìm đọc được “Kim Vân Kiều Truyện” và thấy vô cùng yêu thích. Mấy năm sau khi về nước ông đã tiến hành dịch 3254 câu thơ trong “Kim Vân Kiều Truyện” sang chữ Nôm [4, tr.82]. Nguyễn Du đã vận dụng thành công lối hành thơ lục bát chữ Nôm, cấu trúc lại “Kim Vân Kiều Truyện” thành tác phẩm thơ phù hợp với âm luật đặc sắc trong văn học dân gian Việt Nam. “Chữ Nôm” được sáng tạo từ chữ Hán, xuất hiện vào thế kỉ 14, được người Việt Nam vận dụng cách tạo chữ như tượng thanh (hình/ hài thanh), hội ý, chỉ sự,... kết hợp ngữ âm tiếng Việt sáng tạo thành kiểu văn tự mới, có số nét khá phức tạp. Nhưng đây là lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam người Việt đã đưa được chữ viết và ngữ âm kết hợp sáng tạo thành hệ thống văn tự của dân tộc mình. Đầu thế kỉ 20, Việt Nam bắt đầu sử dụng tiếng Việt Nam hiện đại do các nhà truyền giáo phương Tây kết hợp giữa mẫu tự La tinh phiên âm tiếng Việt và dần dần từ bỏ sử dụng chữ Nôm. Cũng từ đây “Kim Vân Kiều Truyện” bản chữ Nôm được các thế hệ sau dịch lại bằng mẫu tự La tinh, lấy tên là “Truyện Kiều”. Đến nay Việt Nam đã có hơn 50 phiên bản *Truyện Kiều* bao gồm cả chữ Nôm và mẫu tự La tinh phiên âm hóa [5, tr.234]. “Truyện Kiều” giữ nguyên được nhân vật và tình tiết

câu chuyện của “Kim Vân Kiều Truyện”, nhưng áp dụng thể thơ lục bát khiến cho vẻ đẹp ngôn ngữ dân tộc được thể hiện rõ nét hơn. Tình tiết hấp dẫn cộng với lời thơ uyển chuyển đã khiến cho “Truyện Kiều” không chỉ được đọc giả trong nước đón nhận mà còn được dịch ra nhiều thứ tiếng khác nhau như Trung, Anh, Đức, Pháp, Nga, Nhật, Hàn, Séc,... làm tác phẩm trở nên nổi danh trên thế giới.

Năm 1959, ông Hoàng Dật Cầu lấy bản chữ Nôm “Kim Vân Kiều Truyện” của Nguyễn Du kết hợp với bản tiếng Việt La Tinh hóa dịch sang tiếng Hán và giữ nguyên tiêu đề. Với việc “Truyện Kiều” được dịch sang tiếng Hán thì ngày càng có nhiều độc giả Trung Quốc quan tâm đến việc “Kim Vân Kiều Truyện” được truyền bá và ảnh hưởng đến các quốc gia xung quanh. Tiếp đó, các học giả như Đồng Văn Thành, Trần Quang Huy, Trần Ích Nguyên, Lý Trung Hiếu, Triệu Ngọc Lan, Lô Trường Sơn, Kỳ Quảng Mưu, Lưu Trí Cường,... đã bắt đầu quan tâm nghiên cứu sự dịch chuyển của “Kim Vân Kiều Truyện” tại Việt Nam, các bài viết về “Truyện Kiều” bản tiếng Hán cũng ngày càng nhiều hơn.

Có lẽ cũng vì số mệnh lưu truyền của hai tác phẩm có sự khác nhau mà sự nhận xét về “Truyện Kiều” thường có vẻ cao hơn so với tiểu thuyết thời Minh - Thanh “Kim Vân Kiều Truyện”. Giới học giả Việt - Trung vẫn chưa đưa ra được ý kiến thống nhất đối với sự đánh giá về hai tác phẩm này. Xét về nguyên nhân cơ bản, chính vì nhiều học giả đều nghĩ rằng giá trị văn học của bản dịch thường thấp hơn nguyên bản. Tuy nhiên, từ Walter Benjamin, Des Tours de Babel đến Lawrence Venuti theo trường phái chủ nghĩa hậu cấu trúc luận đã chỉ ra rằng: nên đề cao vị trí tính sáng tạo của người dịch và lời dịch. Họ cho rằng có thể coi nguyên bản là “đời này” và bản dịch là “đời sau”, người dịch cũng là chủ thể của sáng tạo, bản dịch chính là sự sáng tạo của ngôn ngữ mới. Phương pháp suy luận này cho chúng ta một cách nhìn mới về vấn đề từ trước đến nay chúng ta luôn lấy nguyên bản làm trung tâm, việc dịch thuật thì cứ theo nguyên văn mà làm. Ngoài ra, dịch thuật đối với tác phẩm văn học nước ngoài không phải “cản giống” mà cần “có điểm khác biệt”, mục đích không phải xóa bỏ sự khác biệt trong quá trình dịch, mà là biểu đạt sự khác biệt giữa hai nền văn hóa và ngôn ngữ trong quá trình dịch [7, tr.49]. Nghĩa là nhấn mạnh yếu tố bản địa hóa trong tiếp nhận.

Nếu như thông qua góc nhìn trên, phân tích mối liên hệ giữa hai tác phẩm “Kim Vân Kiều Truyện” của hai nước Việt - Trung, ta thấy từ tình tiết câu chuyện, sự cấu thành nhân vật đến ngôn ngữ miêu tả không thể phủ nhận tiểu thuyết “Kim Vân Kiều Truyện” thời Minh - Thanh là bản gốc được Nguyễn Du dịch thuật và sáng tạo thành bản thơ Nôm lấy tên là “Truyện Kiều”. Ngoài ra Nguyễn Du cũng đã kết hợp khá nhiều những câu thơ và điển cố của văn học Trung Hoa, từ đó dịch lại đồng thời kết hợp sáng tạo nhân tố mới thành “Truyện Kiều”. Mặt khác, thi hào Nguyễn Du đã có ý làm nổi bật sự khác biệt giữa thơ Nôm lục bát với ngôn ngữ và văn hóa của thể loại tiểu thuyết thời Minh Thanh của Trung Quốc, từ đề tài văn học, tục ngữ, so sánh, khắc họa nhân vật đến vẻ đẹp âm điệu,... đều đã được ông xử lí thành công. Các yếu tố này chứng minh sự khác biệt đó. Chính vì thế, học giả Việt Nam rất tôn sùng “Truyện Kiều”, coi đó như một tác phẩm có màu sắc ngôn ngữ dân tộc đặc sắc nhất trong lịch sử văn học cổ điển Việt Nam. Cách hành văn tinh tế của “Truyện Kiều” không thể dùng ngôn ngữ biểu đạt hết được. Nếu có một tác phẩm nào khác muốn sánh ngang với “Truyện Kiều” thì quả là như đang mơ. Có thể nói tác phẩm thơ tiếng Việt bản La tinh này đã đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật ngôn ngữ [8, tr.30]. Nói như vậy để thấy rằng phủ nhận một cách đơn giản thành tựu văn học của bản dịch mới “Truyện Kiều” là điều không tưởng. Thực ra các tác phẩm văn học trên thế giới khi truyền bá ra ngoài thì hiện tượng tồn tại khác biệt là không tránh khỏi. Nhiều khi những tác phẩm dịch thuật lại mang đến sức sống mới cho nguyên bản. Do lịch sử và văn hóa lâu đời giữa hai nước Việt - Trung, lịch sử văn học Việt Nam không chỉ có tác phẩm văn học “Truyện Kiều” là thông qua việc cấu trúc lại rồi dịch sáng tạo từ các tiểu thuyết thời Minh - Thanh. Ví dụ như: từ “*Hoa tiên kí*” đến “*Hoa tiên truyện*”; từ “*Tùy Đường diễn nghĩa*” đến “*Quân trung đối ca*”, từ “*Nữ tú tài di hoa tiếp mộc*” đến “*Nữ tú tài truyện*”; từ “*Thôi Tuấn thân xảo hội Phù Dung bình*” đến “*Phù Dung tân truyện*”; từ “*Trung hiếu tiết nghĩa nhị độ mai*” đến “*Nhị độ mai truyện*”; từ “*Tây du kí*” đến “*Tây du truyện*”; từ “*Quan Âm xuất thân năm du kí truyện*” đến “*Phật Bà Quan Âm truyện*”; từ “*Long đồ bảo quyển*” đến “*Phượng Hoa truyện*”... [9, tr.83]. Từ góc nhìn của chủ nghĩa giải cấu trúc luận cho chúng ta một phương pháp hợp lí, khách quan nhìn nhận về sự lưu truyền, kết cấu và hình thức sáng tạo của tiểu thuyết thời Minh Thanh tại Việt

Nam. Lấy sự ra đời và ảnh hưởng của “Truyện Kiều” làm ví dụ, việc thừa nhận sự ảnh hưởng sâu sắc của tiểu thuyết “Kim Vân Kiều Truyện” thời Minh - Thanh đối với văn học Việt Nam, không phải là đang phủ nhận giá trị văn học và địa vị của bản dịch mới, “Truyện Kiều”. Ngược lại, chính vì Nguyễn Du không ngừng tái cấu trúc và sáng tạo đối với tiểu thuyết “Kim Vân Kiều Truyện” mà tác phẩm này mới được độc giả quan tâm biết đến. Đây chính là công lao và đóng góp của người dịch.

Nói tóm lại, các nhà văn thời trung đại Việt Nam không chỉ am hiểu sâu sắc tiếng Hán, mà còn tường tận lịch sử và văn hóa Trung Hoa cho nên rất đam mê các tác phẩm văn hóa cổ điển Trung Hoa cũng như những tiểu thuyết thời Minh Thanh tràn đầy thể tục hóa và đáp ứng nhu cầu đọc sách của tầng lớp dân chúng. Bất luận là chịu ảnh hưởng phong cách sáng tác tiểu thuyết lịch sử thời Minh - Thanh mà biên soạn ra tiểu thuyết lịch sử diễn nghĩa như “*Hoàng Việt xuân thu*”, “*Việt Nam khai quốc chí truyện*”, “*Hoàng Lê nhất thống chí*”,... hay là giải cấu trúc tiểu thuyết tài tử giai nhân ra thơ Nôm lục bát “*Truyện Kiều*”, “*Hoa tiên truyện*” và “*Nhị độ mai truyện*”,... Văn nhân Việt Nam đã thành công trong việc học hỏi, giải/tái cấu trúc và xử lí sáng tạo, làm cho nhiều tác phẩm văn học cổ điển Việt Nam lưu truyền rộng rãi, đồng thời với vị trí và sự lưu truyền của nó đã gián tiếp nói lên sự ảnh hưởng sâu sắc và rộng lớn của tiểu thuyết thời Minh - Thanh ở Việt Nam. Điều này làm nổi bật lên hiện tượng mang tính giao thoa, sự giao lưu văn học hai nước Việt - Trung thời kì đó.

3. Sự giải cấu trúc và sáng tạo của Nguyễn Du trong *Kim Vân Kiều Truyện*

“*Kim Vân Kiều Truyện*” là tác phẩm tiểu thuyết dài tập được Thanh Tâm Tài Nhân sáng tác vào đầu thời kì nhà Thanh có đặc điểm hình thức chủ yếu là phân chương thuật chuyện, mỗi hồi đều có tiêu đề riêng. Tác phẩm này vốn dĩ có 20 hồi, chủ yếu miêu tả câu chuyện tình ái li biệt tái hợp, buồn vui của Kim Trọng và Vương Thúy Kiều, tình tiết câu chuyện tương đối hoàn chỉnh, khung sườn và các tầng nội dung rõ ràng, chi tiết miêu tả sinh động, tỉ mỉ. Nói chung, “Truyện Kiều” của Nguyễn Du từ tình tiết câu chuyện đến đầu mối và nhân vật đều không có nhiều khác biệt với “Kim Vân Kiều Truyện” của Thanh Tâm Tài Nhân là mấy. Đây cũng là lý do một số học giả cho rằng “Truyện Kiều” là bản

dịch chữ Nôm của “Kim Vân Kiều Truyện”. Tuy nhiên, việc Nguyễn Du cô đọng 14 vạn chữ của tiểu thuyết “Kim Vân Kiều Truyện” thành 3254 câu thơ lục bát chữ Nôm thì có thể thấy được yếu tố khác biệt là tương đối rõ ràng. Dù lí thuyết giải cấu trúc giải thích thì “trong quá trình phiên dịch, bản nguyên văn đến bản dịch sẽ không ngừng được sắp xếp, chỉnh sửa, đây được gọi là quá trình dịch làm mới. Thông qua quá trình dịch này, chỗ thiếu sót của nguyên bản sẽ được bổ sung, chỉnh

sửa mang lên mình sắc thái và phong cách mới mẻ từ đó toát lên gu sáng tạo của người dịch”, vì thế “từ ngôn ngữ này chuyển sang ngôn ngữ khác mà giữ nguyên được ý và lối hành văn là điều không tưởng” [6, tr.106].

Biểu đồ dưới đây so sánh chi tiết hai tác phẩm, để người đọc hiểu rõ hơn nội dung chính và hình tượng nhân vật trong tiểu thuyết “Kim Vân Kiều Truyện” ảnh hưởng đến “Truyện Kiều” như thế nào, đồng thời hiểu được sự giải cấu và kĩ thuật dịch mới trong “Truyện Kiều”.

Thanh Tâm Tài Nhân “Kim Vân Kiều Truyện” Hồi thứ 1	Nguyễn Du “Truyện Kiều” bản tiếng Việt chữ La tinh, câu 1-18	
	Bản chữ La tinh tiếng Việt, câu 1-6, 11-18	Bản dịch (người viết dịch), câu 1-6, 11-18
这一曲《月儿高》，单道佳人命薄，红粉时乖，生了绝代的才色，不能遇金屋之荣，反遭那摧残之苦。试看从古及今，不世出的佳人，能有几个得无破败！昭君色夺三千，不免塞外之尘；贵妃宠隆一国，难逃马嵬之死。飞燕、合德、何曾令终；西子、貂蝉，徒贻话柄。这真是造化忌盈，丰此啬彼	Trăm năm trong cõi người ta, Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau. Trái qua một cuộc bể dâu, Những điều trông thấy mà đau đớn lòng. Lạ gì bỉ sắc tư phong, Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.	人生百年沉浮， 才命两字时常相妒。 经过沧田桑海， 触目事乃伤痛悲哀。 丰此啬彼非奇事， 红颜天妒乃常理。
话说北京有一王员外，双名两松，表字子贞。为人淳笃，家计不丰。室人京氏，颇亦贤能。生子王观，学习儒业。长女翠翘，次女翠云，年俱妙龄。翠翘生得卓越风流，翠云则性宁甘淡。	Có nhà viên ngoại họ Vương, Gia tư nghĩ cũng thường thường bực trung. Một trai con thứ rất lòng, Vương Quan là chữ, nổi dòng nho gia Đầu lòng hai ả tố nga, Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân. Mai cốt cách, tuyết tinh thần, Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười.	一家员外姓王， 家资想来也乃小康， 最末一小儿郎， 名唤王观师承儒家。 前有两女娇娥， 长女翠翘，次女翠云。 梅骨骼雪精神， 风姿各异，妍丽十分。

Trong bảng biểu trên, tiểu thuyết thời Minh - Thanh “Kim Vân Kiều Truyện”, ở chương mở đầu lấy một đoạn 14 câu, 73 từ của “Nguyệt Nhị Cao” kết hợp khai thác nhân vật làm đề tài, dự báo số phận bi thảm của Vương

Thúy Kiều, mặc dù đã thoát khỏi kiểu “kịch không đủ lấy nhạc thay thế” trong thể loại tiểu thuyết tài tử giai nhân, nhưng Nguyễn Du khi dịch sáng tạo “Truyện Kiều” cũng chỉ lựa chọn những câu chính trong “Tạo

hóa kỳ doanh, phong thứ sắc bị” (造化忌盈, 丰此嗇彼) để dịch, chỉ nhằm viết ra số mệnh Thúy Kiều, còn lại lược bỏ. Với phần quan trọng nhất trong “*Kim Vân Kiều Truyện*” thì cho dù là khắc họa nhân vật hay tình tiết câu chuyện, “*Truyện Kiều*” nói chung đều đã dịch ra, như câu 11 đến 18 trên biểu đồ, dựa vào thẩm mỹ của người Việt đưa hình ảnh chị em Thúy Kiều mỗi người mỗi vẻ “Mai cốt cách, tuyết tinh thần”, Nguyễn Du đã phá bỏ rào cản và giới hạn là phải lấy nguyên bản “*Kim Vân Kiều Truyện*” làm chuẩn mực, thay vào đó ông vận dụng thơ lục bát dịch và cô đọng được những cái tinh hoa của “*Kim Vân Kiều Truyện*” như nhân vật hay tình tiết câu chuyện rồi hòa vào dòng nghệ thuật thơ ca dân tộc Việt Nam, từ đó tạo ra sự kết hợp hoàn hảo giữa hai nền văn hóa.

Điểm nổi bật của tiểu thuyết “*Kim Vân Kiều Truyện*” là tình tiết câu chuyện hoàn chỉnh và khúc chiết. Vì thế mà chỉ riêng tình tiết Thúy Kiều bán thân cứu cha đã được viết từ hồi thứ 4 đến hồi thứ 6, tổng cộng 3 hồi, chỉ nhằm làm nổi bật chữ “hiếu”, chiếm trọn 15% thời lượng toàn truyện. Còn trong “*Truyện Kiều*” Nguyễn Du chọn dùng thể thơ lục bát trường thiên, khi mượn nhân vật và tình tiết câu chuyện của “*Kim Vân Kiều Truyện*”, ông vô cùng chú trọng khâu trau chuốt ngôn từ. Vì thế trong “*Truyện Kiều*” từ câu 605 đến câu 686 tổng cộng với 70 dòng thơ đã được ông miêu tả ngắn gọn cô đọng việc Thúy Kiều bán thân cứu cha, chỉ chiếm 2% thời lượng toàn tập.

Ngoài ra, Thanh Tâm Tài Nhân đã dành khá nhiều thời lượng đi vào miêu tả chi tiết về đời sống giường chiếu như việc Tú bà dạy dỗ Thúy Kiều kỹ năng làm gái ở thanh lâu đã viết gần hết 1 chương hồi. Điều này đã ảnh hưởng đến giá trị và sự lưu truyền của tác phẩm. Nhưng Nguyễn Du lại chỉ dùng 5 câu thơ từ câu 1210 đến câu 1214 để miêu tả bức tranh đó, thể hiện sâu sắc tính sàng lọc có lựa chọn của Nguyễn Du trong quá trình sáng tác. Tiếp đến, để lột tả việc phải chịu đựng kìm nén, áp bức của Thúy Kiều, Thanh Tâm Tài Nhân trong “*Kim Vân Kiều Truyện*” đã dùng 3 hồi bút để miêu tả sự nham hiểm của Hoạn Thư, còn Nguyễn Du trong “*Truyện Kiều*” lại sử dụng hơn 10 câu thơ chỉ ra tình tiết Hoạn Thư quỷ quyệt, đáng sợ như thế nào khi đi qua Thúy Kiều mà Thúc Sinh phải vờ như không thấy, nội tâm day dứt khi có tình cảm mà không dám

biểu lộ, từ đó cũng thành công trong việc làm nổi bật hình ảnh “đồ phụ” hiểm ác xảo quyệt của Hoạn Thư.

Mặc dù thời đại của thi hào Nguyễn Du vẫn chưa ra đời tư tưởng triết học chủ nghĩa giải cấu trúc, nhưng “*Truyện Kiều*” đã thể hiện rõ nét những vấn đề của lý thuyết này: không phải đi sao chép lại bản gốc “*Kim Vân Kiều Truyện*” mà có ý tìm phương thức gắn kết hai tác phẩm “*Kim Vân Kiều Truyện*” và “*Truyện Kiều*”, giải cấu trúc tác phẩm gốc rồi làm mới, cấu trúc lại, từ đó thể hiện ý đồ sáng tác của riêng tác giả. Vì các nhà giải cấu trúc cho rằng mối quan hệ giữa bản gốc và bản dịch không phải là mối quan hệ lý luận phiên dịch truyền thống như “chủ thể - phụ thuộc” mà là mối quan hệ “cộng sinh” mang tính hỗ trợ. Đối với nguyên bản “*Kim Vân Kiều Truyện*”, thi hào Nguyễn Du thực hiện công việc lựa chọn tinh hoa, loại bỏ rườm rà, thể hiện vị trí chủ thể của “người dịch” trong quá trình dịch mới.

4. Sự khác biệt giữa *Kim Vân Kiều Truyện* và *Truyện Kiều*

“*Kim Vân Kiều Truyện*” ra ấn phẩm đầu vào cuối nhà Minh đầu nhà Thanh, là tiểu thuyết tiểu thuyết nhân tình thế thái điển hình. Tác giả Thanh Tâm Tài Nhân đã thoát ra khỏi sự kìm hãm của câu chuyện lịch sử và truyền kì đối với sáng tác tiểu thuyết, lấy nhân vật và câu chuyện tình cảm của Vương Thúy Kiều, Kim Trọng, Từ Hải... làm đầu mối, dùng phương pháp tường thuật của tiểu thuyết bạch thoại khắc họa chi tiết, bối cảnh hiện thực xã hội và cuộc sống nhân vật, tình tiết thăng trầm. Nhưng thi hào Nguyễn Du khi dịch “*Kim Vân Kiều Truyện*” lại lược bỏ đề tài văn học “tiểu thuyết nhân tình thế thái”, mà vận dụng tối đa ngôn ngữ văn học dân gian Việt Nam đặc sắc của thể loại thơ lục bát để tiếp thu, trần thuật, chuyển dịch và làm mới tình tiết câu chuyện của “*Kim Vân Kiều Truyện*”.

Thể loại thơ lục bát của Việt Nam là trên 6 tiếng dưới 8 tiếng tạo thành một câu (liên). Chữ thứ 6 câu trên vần với chữ thứ 6 câu dưới; tiếng cuối câu lục vần với tiếng 6 câu bát, tiếng cuối câu bát lại vần với tiếng cuối câu lục. Theo cách đối vần như thế mà hành văn, có thể viết hàng ngàn dòng. Sử dụng "thể lục bát" chắc hẳn thi nhân khi sáng tác đã xử lý “điểm khác biệt” lớn nhất, điều này nói lên tác giả khi sáng tác “*Truyện Kiều*” đã mong muốn tìm kiếm sự “khác biệt” không phải sự “tương đồng”, cũng chính vì cái sự “khác biệt” này,

khiến độc giả càng hiểu rõ hơn nét đặc sắc giữa ngôn ngữ văn học của hai nước Việt - Trung. Điều này làm cho vị trí của “*Truyện Kiều*” và bản gốc “*Kim Vân Kiều Truyện*” ngang hàng hơn.

Nhà dịch thuật nổi tiếng Eugene A.Nida cho rằng, người dịch chỉ thông thạo hai loại ngôn ngữ là không đủ, muốn thành nhà dịch thuật chuyên nghiệp, còn phải am hiểu hai nền văn hóa, như thế mới có thể đạt đến “*Ý tại ngôn ngoại*” [12, tr.129]. Theo ghi chép của “*Đại Nam nhất thống chí*”, có nói về Nguyễn Du như sau: “Du bác học giỏi văn, sớ trường là thơ, hồi sử, có “*Bắc hành thi tập*”, lại am tường quốc âm, có “*Truyện Kiều*”,... cũng chính vì Nguyễn Du nhà dịch giả vĩ đại thông thạo cả văn hóa và ngôn ngữ hai nước Việt - Trung, khiến văn hóa kinh điển và ngôn ngữ dân gian có sự đan xen hòa trộn, đạt đến độ sang hèn cùng hưởng, kiến tạo nên kì tích trong lịch sử giao lưu văn học hai dân tộc.

Nguyễn Du trong quá trình sáng tác không chỉ thấm thâu nhiều dưỡng chất từ nền văn học dân gian Việt Nam mà còn vận dụng và kết hợp rất nhiều tinh hoa văn học cổ điển Trung Hoa, đưa điển cố, thi ca, thành ngữ

Trung Quốc kết hợp với ca dao, tục ngữ mang hơi thở bản sắc Việt Nam, đạt đến sự kết hợp hoàn hảo giữa sự tao nhã, cao sang và bình dân. “*Truyện Kiều*” có 30 chỗ dịch thẳng từ thơ cổ Trung Quốc, 27 chỗ mượn từ ngữ, ý câu từ thơ cổ Trung Quốc, 46 chỗ mượn dụng ngôn “*kinh thư*”, 50 chỗ vận dụng điển cố Trung Quốc (Vương Tiểu Khiên, 2001:120) ví dụ, “*kết cỏ ngâm vành*” (结草衔环), “*thành hạ chi minh*” (城下之盟)... Nhưng Nguyễn Du lại cải biên một chút điển cố văn học Trung Quốc, phân loại, lựa chọn dịch thành từng từ Hán Việt “*mang điển cố*” như “*lá thắm*” (红叶题诗), “*chim xanh*” (青鸟传书), “*tinh vệ*” (精卫填海), “*kim ốc*” (金屋藏娇) [13, tr.163]. Thậm chí trong bản gốc “*Kim Vân Kiều Truyện*” cũng không nhắc đến những chi tiết của các điển cố khác, nhưng Nguyễn Du vẫn chủ động vận dụng nhiều điển cố văn học Trung Quốc trong quá trình dịch, và nó đã góp phần nâng cao tính sáng tạo và giá trị thẩm mĩ, ví dụ:

Thanh Tâm Tài Nhân “ <i>Kim Vân Kiều Truyện</i> ” hồi thứ 3	Nguyễn Du “ <i>Truyện Kiều</i> ”, câu 473-484	
	Bản dịch tiếng Việt hiện đại	Bản dịch tiếng Hán (người viết dịch)
初疑鹤唳，继讶猿啼， 忽缓若疏风，急急如骤雨。 再拔再弹，而音韵凄惋， 声律悠扬，如怨如慕， 如泣如诉。	Khúc đầu Hán Sở chiến trường, Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau. Khúc đầu Tư mã “ <i>Phường cầu</i> ”, Nghe ra như oán như sầu phải chăng? Kê Khang này khúc Quảng lăng, Một rằng lưu thủy hai rằng hành vân. Quá quan này khúc Chiêu Quân, Nửa phần luyến chúa nửa phần tư gia. Trong như tiếng hạc bay qua, Đục như nước suối mới sa nửa vôi, Tiếng khoan như gió thoảng ngoài, Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa.	头曲“ <i>楚汉相争</i> ”, 听闻金戈铁马厮杀。 奏司马“ <i>凤求凰</i> ”, 听闻如怨如诉抑乎！ 再一曲“ <i>广陵散</i> ”, 有道行云又曰流水。 终曲乃“ <i>昭君怨</i> ”, 一半恋主一半思乡 时如鹤唳飞过， 时音浊似银泉天落。

		时声缓若疏风， 时音急如骤雨滂 沓。
--	--	--------------------------

Khi dịch làm mới, Nguyễn Du đã mang đặc sắc văn hóa dân gian Việt Nam biểu đạt lên hình ảnh nhân vật Thúy Kiều và Kim Trọng, khiến nhân vật trong “Kim Vân Kiều Truyện” trong mắt độc giả dân chúng Việt Nam trở nên vừa sinh động vừa gần gũi. Ví dụ khi miêu tả nỗi sầu tương tư sau cuộc gặp gỡ giữa Kim Trọng và Thúy Kiều, đã dùng 2 câu thơ (câu 247-248) “*Sầu đông càng lắt càng đầy, Ba thu dồn lại một ngày dài ghê!*”. Nửa vế câu thơ trên, Nguyễn Du dùng một kiến thức thường thấy đặc sắc trong văn hóa đời sống nhân dân Việt Nam, ý là “nếu dùng cái sàng mà sàng nổi sầu thì càng sàng nổi sầu càng như hạt gạo hướng ra bốn bề”, loại hình tư duy ẩn dụ này làm dân chúng Việt rất dễ dàng để hiểu, tiếp nhận. Dưới ngòi bút Nguyễn Du, ngôn ngữ dân tộc Việt Nam khéo léo, mỉa miêu, vô cùng giản dị, thanh khiết, chính xác mà truyền thần, mộc mạc mà đa màu đa sắc, đạt đến cảnh giới cao nhất [15, tr.220-221]. Thực ra về dưới của câu thơ được dịch từ một câu thơ trong *Kinh Thi* của Trung Quốc “một ngày không gặp như cách ba thu” (Nhất nhật bất kiến như tam thu hề). Kiểu kết hợp và sắp đặt này được tác giả dùng rất nhiều, khiến “*Kim Vân Kiều Truyện*” với câu chuyện tình ái thu hút người đọc. Có thể nói sự nho nhã của văn học cổ điển Trung Hoa đã kết hợp hoàn hảo với sự mộc mạc giản dị của ngôn ngữ dân gian Việt Nam.

Qua sự giải cấu đối với “*Kim Vân Kiều Truyện*”, Nguyễn Du đã thành công trong việc cấy ghép văn hóa cổ điển Trung Hoa, đưa vào văn học dân gian Việt Nam, câu chuyện tình giữa Thúy Kiều và Kim Trọng vì thế cũng lưu truyền trong dân gian một cách rộng rãi. Trong dân gian Việt Nam hai chữ “Thúy Kiều” được ví là người con gái tài sắc vẹn toàn; “Thúc Sinh” thì bị coi là nhu nhược; ghen như Hoạn Thư; Sở Khanh thì được ví như kẻ vô lại hám sắc; Tú Bà thì có danh là bà chủ lầu xanh; “Từ Hải” và “Giác Duyên” và một số nhân vật thì được thần thoại hóa như một thần nhân, người dân tôn họ thành Từ Hải Đại Vương và Giác Duyên Tiên Cô thờ cúng trong chùa. Người Việt không chỉ nhớ rõ nội dung mà còn có thể đọc được, thậm chí trẻ nhỏ và người mù chữ cũng biết vài ba câu, những người mẹ trẻ thì lấy nó làm “câu hát ru”, những cụ già thì thường kể lại những

câu chuyện trong “*Truyện Kiều*” cho tội nhỏ trong những đêm đầy sao. Mọi người thường dễ dàng sử dụng những câu thơ này để biểu đạt lời thương lời nhớ của mình trong mọi thời điểm mọi hoàn cảnh [16, tr.288].

Tiểu thuyết thời Minh Thanh và thơ thời Đường, từ thời Tống, khúc thời Nguyên được cho là bốn viên ngọc sáng nhất trong kho tàng văn học cổ điển Trung Quốc. Tiểu thuyết thời Minh - Thanh không chỉ đưa thơ, từ, nhạc hòa làm một mà còn dùng hình ảnh câu chuyện nhân tình thế thái khắc họa giáo hóa đạo đức, bao hàm tinh hoa văn hóa truyền thống Trung Hoa lớn nhất. Trong quá trình truyền bá văn học cổ điển Trung Quốc ra bên ngoài, việc dịch thuật khó tránh làm thiếu sót trong biểu đạt sự tao nhã về thanh luật và cái đẹp trong kết cấu hành văn của Đường thi, Tống từ. Nhưng tiểu thuyết thời Minh Thanh khi truyền bá sang Việt Nam lại đúng vào thời điểm văn tự Hán Nôm đang trong thời kì phồn thịnh, rất nhiều thi hào nhân sĩ Việt Nam tinh thông tiếng Hán và văn hóa truyền thống Trung Hoa cũng thích tiếp thu đề tài văn hóa của tiểu thuyết thời Minh Thanh, mượn nhân vật, hình ảnh, sáng tạo tình tiết câu chuyện,... tạo ra thời kì giao thoa văn hóa đặc biệt giữa hai nước, đồng thời làm phong phú văn học cổ điển Việt Nam.

Lấy kết cấu và sự lưu truyền của tiểu thuyết “*Kim Vân Kiều Truyện*” thời Minh - Thanh ở Việt Nam làm ví dụ, một mặt các ấn phẩm của “*Kim Vân Kiều Truyện*” ở Việt Nam không thường gặp, nói lên sự khác biệt giữa “*Kim Vân Kiều Truyện*” và “*Truyện Kiều*”, lại càng ít có độc giả có thể đọc và so sánh bản gốc và bản chữ Nôm hay bản chữ la tinh. Mặt khác, nhận thức truyền thống trong đánh giá giá trị văn học cao thấp đối với “nguyên bản” và “bản dịch” khiến giới học giả hai nước Việt, Trung nảy sinh tranh luận không ngừng về mối liên quan giữa “*Kim Vân Kiều Truyện*” và “*Truyện Kiều*”. Nhưng nếu nhìn nhận vấn đề từ góc độ chủ nghĩa giải cấu phiên dịch quan, so sánh hai tác phẩm, “*Truyện Kiều*” thực sự là một tác phẩm văn học dịch thuật vô cùng thành công. Qua đó, tình tiết câu chuyện, hình tượng nhân vật, hiện tượng xã hội và giá trị đạo đức của

tiểu thuyết thời Minh Thanh được biết đến rộng rãi ở Việt Nam. Đồng thời, trên cơ sở cấy ghép và dung hợp văn học kinh điển Trung Quốc, Nguyễn Du đã khéo léo xử lí “sự khác biệt”, làm nổi bật chỗ khác biệt và đặc sắc giữa ngôn ngữ dân tộc Việt Nam và ngôn ngữ Trung Hoa. Thông qua giải cấu, tái cấu trúc và sáng tạo đối với tiểu thuyết thời Minh - Thanh, Nguyễn Du đã khiến nguyên bản “*Kim Vân Kiều Truyện*” được tái sinh lần nữa trong giới văn học thế giới. Sự thành công của “*Truyện Kiều*” đã gây tiếng vang ra thế giới và lưu truyền rộng rãi. Điều này không chỉ hoàn thành việc “tái sinh” “nguyên bản” mà qua đó lưu lại dấu ấn đặc biệt của tiểu thuyết thời Minh Thanh trong quá trình truyền bá và nâng cao tầm ảnh hưởng đến văn học Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1] 郭建忠(1999). 论解构主义翻译思想. *上海科技翻译*, 4.
- [2] 董文成(1999). *金云翘传*. 春风文艺出版社. 沈阳
- [3] 李学勤(1996). *四库大辞典*, 吉林大学出版社长春.
- [4] 陈益源(2009). 中国明清小说在越南的流传与影响.. *上海师范大学学报(哲学社会科学版)*, 1.
- [5] 赵玉兰(2013). *金云翘传翻译与研究*. 北京大学出版社, 北京.
- [6] 曹旻(2012). 从解构主义理论角度看原文与译文的关系-林纾的部分译作读后思考. *外国语文*, 7.
- [7] 郭建忠(2000). 韦努蒂及结构主义的翻译策略*中国翻译理论*, 1.
- [8] Nguyễn Tường Tam (1924). *Mấy Lời Bình Luận về Văn Chương Truyện Kiều*. *Tạp chí Nam Phong*, 79.
- [9] [台]陈光辉(1976). 中国小说的演变及其传入越南. *中华文化复兴月刊*, 6.
- [10] 陈德鸿(2000)、张南峰. *西方翻译理论精选*. 香港城市大学出版社.
- [11] [清]青心才人(2010). *金云翘传*. 魏武挥鞭点校, 中国经济出版社.
- [12] [美]尤金·A. 奈达(2001). *语言文化与翻译*. 严久生译, 呼合浩特: 内蒙古大学出版社.
- [13] 赵玉兰(2008). 《金云翘传》中文翻译刍议. *广西民族大学学报(哲学社会科学版)*, 3.
- [14] 王小盾(2001). 东干文学和越南古代文学的启示: 关于新资料对文学研究的未来影响[J]. *文学遗产*, 6.
- [15] Phạm Tú Châu (2015). *Dịch và nghiên cứu Kim Vân Kiều lục*. NXB Khoa Học Xã Hội.
- [16] 卢蔚秋(1987). *东方比较文学论文集*, 湖南文艺出版社.

UNDER THE PERSPECTIVE OF DECONSTRUCTION ANALYSIS THE INFLUENCE OF THE JIN YUN QIAO'S BIOGRAPHY IN VIETNAM: DISCUSS THE CREATIVE TRANSLATION WAY OF NGUYEN DU

Abstract: In the perspective of deconstructionist translation theory, this paper compares the Chinese novel Jin Yun Qiao's biography in the Ming and Qing Dynasties and the Nguyen Du's Vietnamese poem "Truyen Kieu", which translated from Jin Yun Qiao's biography into current Latin Vietnamese language. Analyses Nguyen Du's deconstruction, creation and reconstruction in translating, also emphasizes the subjectivity and creativity of Nguyen Du. At the same time, through such a new perspective, the depth and characteristics of the influence of Ming and Qing novels on Vietnamese classical literature can be revealed and the splendor of Chinese and Vietnamese literature in its spreading and blending process can be appreciated.

Key words: deconstructionism; novels in Ming and Qing dynasties; biography of Jin Yun Qiao; Nguyen Du; Truyen Kieu.